

Số: 99/2024/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lữ Văn S, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản Kh, xã M Kh, huyện B Y, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1997. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản B, xã Ch M, huyện M S, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lữ Văn S và chị Hà Thị H.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về tình cảm: Anh Lữ Văn S và chị Hà Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Anh Lữ Văn S và chị Hà Thị H có 01 con chung là cháu Lữ B A, sinh ngày 01/8/2016 anh chị thỏa thuận thống nhất; Sau khi ly hôn chị H là

người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Bảo An cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh S không pH cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh S, thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung: Anh S, chị H đều xác nhận không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

d. Về nợ chung: Anh S, chị H đều xác nhận không có nợ chung, do đó Tòa án không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

đ. Về án phí: Anh Lữ Văn S tự nguyện nhận chịu nộp án phí xin ly hôn là 150.000 VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001347 ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, anh S được nhận lại 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Mai, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân

